

Số: 1218/2020/QĐST-HNGĐ

Gò Vấp, ngày 23 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 888/2020/TLST/HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1988

Bị đơn: Ông Nguyễn Phạm Thanh H, sinh năm 1987

Cùng địa chỉ: Số 252/15/3 đường P, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị T và Ông Nguyễn Phạm Thanh H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Quan hệ hôn nhân: Công nhận Bà Nguyễn Thị T và Ông Nguyễn Phạm Thanh H thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 56, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/6/2013 hết hiệu lực pháp luật).

Về con chung: Bà Nguyễn Thị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Nguyễn Phương U, sinh ngày 27/9/2016; ông H có

nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng, bắt đầu thi hành từ tháng 9/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng, bà T tự nguyện chịu, căn trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0026624 ngày 21/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; hoàn trả cho bà T số tiền 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng.

Ông H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn) đồng.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận G;
- Chi cục THADS quận G;
- UBND Phường B, Quận B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Trần Thúy Duyên